

Số: 198.1/QĐ-ĐHBK

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến cho tập thể và cá nhân
năm học 2018 - 2019

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quy chế chi tiêu nội bộ của Đại học Đà Nẵng ban hành kèm theo Quyết định số 199/QĐ-ĐHĐN ngày 10/01/2012 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 114/QĐ-ĐHBK-HCTH ngày 23/5/2012 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa về việc ban hành Phụ lục Quy chế chi tiêu nội bộ;

Căn cứ Công văn số 1512/ĐHĐN-PCTĐ ngày 24/5/2019 của Đại học Đà Nẵng về việc tổng kết, đánh giá thi đua, khen thưởng năm học 2018-2019;

Căn cứ danh sách đề nghị xét tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng của các đơn vị và Biên bản cuộc họp Hội đồng Thi đua-Khen thưởng Trường Đại học Bách khoa ngày 15/7/2019;

Xét đề nghị của Trường Phòng Thanh tra – Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận danh hiệu "Lao động tiên tiến" năm học 2018 - 2019 cho 26 tập thể và 488 cá nhân thuộc Trường Đại học Bách khoa (*danh sách kèm theo*);

Điều 2. Mức tiền thưởng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ, trích từ quỹ thi đua khen thưởng của Nhà trường:

- Tập thể: 1.200.000 đồng (*Một triệu hai trăm ngàn đồng*),
- Cá nhân: 450.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi ngàn đồng*);

Điều 3. Trường Phòng Thanh tra - Pháp chế, Trường Phòng Kế hoạch - Tài chính, Trường các đơn vị và cá nhân có tên trong danh sách căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban PC và Thi đua ĐHĐN (để b/cáo)
- Lưu: VT, TTPC.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. ĐOÀN QUANG VINH

**DANH SÁCH TẬP THỂ VÀ CÁ NHÂN
ĐƯỢC CÔNG NHẬN DANH HIỆU LAO ĐỘNG TIÊN TIẾN
NĂM HỌC 2018-2019**

(Kèm theo Quyết định số 1981 /QĐ-ĐHBK ngày 18 / 7 /2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa)

I- Tập thể Lao động tiên tiến:

1. Khoa Công nghệ Nhiệt – Điện lạnh
2. Khoa Công nghệ Thông tin
3. Khoa Cơ khí
4. Khoa Cơ khí Giao thông
5. Khoa Điện
6. Khoa Điện tử - Viễn thông
7. Khoa Hóa
8. Khoa Kiến trúc
9. Khoa Khoa học Công nghệ Tiên tiến
10. Khoa Môi trường
11. Khoa Quản lý Dự án
12. Khoa Xây dựng Cầu đường
13. Khoa Xây dựng Dân dụng & Công nghiệp
14. Khoa Xây dựng Thủy lợi – Thủy điện
15. Phòng Công tác Sinh viên
16. Phòng Cơ sở vật chất
17. Phòng Đào tạo
18. Phòng Kế hoạch – Tài chính
19. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục
20. Phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác Quốc tế
21. Phòng Thanh tra - Pháp chế
22. Phòng Tổ chức - Hành chính
23. Trung tâm Học liệu và Truyền thông
24. Viện Khoa học và Công nghệ Bách khoa Đà Nẵng
25. Tổ Công nghệ thông tin
26. Trung tâm Hỗ trợ Sinh viên và Quan hệ Doanh nghiệp

II- Cá nhân Lao động tiên tiến:

TT		Họ và tên	Đơn vị
1.	Ông	Hoàng Ngọc Đồng	Khoa CN Nhiệt- Điện lạnh
2.	Ông	Mã Phước Hoàng	Khoa CN Nhiệt- Điện lạnh
3.	Bà	Bùi Thị Hương Lan	Khoa CN Nhiệt- Điện lạnh
4.	Bà	Trần Thị Mỹ Linh	Khoa CN Nhiệt- Điện lạnh
5.	Ông	Ngô Phi Mạnh	Khoa CN Nhiệt- Điện lạnh
6.	Ông	Nguyễn Đức Minh	Khoa CN Nhiệt- Điện lạnh
7.	Bà	Hồ Hoàng Quỳnh Như	Khoa CN Nhiệt- Điện lạnh
8.	Ông	Thái Ngọc Sơn	Khoa CN Nhiệt- Điện lạnh
9.	Ông	Nguyễn Thành Văn	Khoa CN Nhiệt- Điện lạnh
10.	Ông	Trần Văn Vang	Khoa CN Nhiệt- Điện lạnh
11.	Ông	Phạm Duy Vũ	Khoa CN Nhiệt- Điện lạnh
12.	Ông	Nguyễn Thanh Bình	Khoa CNTT
13.	Ông	Huỳnh Hữu Hưng	Khoa CNTT

TT		Họ và tên	Đơn vị
14.	Ông	Nguyễn Tấn Khôi	Khoa CNTT
15.	Bà	Lê Thị Mỹ Hạnh	Khoa CNTT
16.	Ông	Phạm Minh Tuấn	Khoa CNTT
17.	Ông	Trương Ngọc Châu	Khoa CNTT
18.	Ông	Phan Huy Khánh	Khoa CNTT
19.	Ông	Nguyễn Văn Hiệu	Khoa CNTT
20.	Ông	Đặng Hoài Phương	Khoa CNTT
21.	Ông	Mai Văn Hà	Khoa CNTT
22.	Bà	Bùi Thị Thanh Thanh	Khoa CNTT
23.	Ông	Phạm Công Thắng	Khoa CNTT
24.	Ông	Võ Đức Hoàng	Khoa CNTT
25.	Ông	Nguyễn Văn Nguyên	Khoa CNTT
26.	Bà	Hoàng Thị Hương	Khoa CNTT
27.	Ông	Đặng Duy Thắng	Khoa CNTT
28.	Ông	Lưu Đức Bình	Khoa Cơ khí
29.	Ông	Lê Hoài Nam	Khoa Cơ khí
30.	Ông	Tào Quang Bảng	Khoa Cơ khí
31.	Ông	Võ Như Thành	Khoa Cơ khí
32.	Ông	Nguyễn Phúc Nghĩa	Khoa Cơ khí
33.	Bà	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Khoa Cơ khí
34.	Ông	Phạm Nguyễn Quốc Huy	Khoa Cơ khí
35.	Ông	Nguyễn Lê Minh	Khoa Cơ khí
36.	Ông	Ngô Thanh Nghị	Khoa Cơ khí
37.	Ông	Nguyễn Danh Ngọc	Khoa Cơ khí
38.	Ông	Trần Phước Thanh	Khoa Cơ khí
39.	Ông	Trần Minh Thông	Khoa Cơ khí
40.	Ông	Võ Đình Trung	Khoa Cơ khí
41.	Ông	Trần Xuân Tuy	Khoa Cơ khí
42.	Ông	Đặng Phước Vinh	Khoa Cơ khí
43.	Ông	Nguyễn Linh Giang	Khoa Cơ khí
44.	Ông	Đặng Xuân Thủy	Khoa Cơ khí
45.	Ông	Trần Ngọc Hải	Khoa Cơ khí
46.	Ông	Nguyễn Tấn Minh	Khoa Cơ khí
47.	Ông	Vũ Duy Thuận	Khoa Cơ khí
48.	Ông	Trần Văn Tiến	Khoa Cơ khí
49.	Ông	Trần Quang Khải	Khoa Cơ khí
50.	Ông	Đỗ Thế Căn	Khoa Cơ khí
51.	Ông	Nguyễn Hữu Nhân	Khoa Cơ khí
52.	Ông	Nguyễn Phạm Thế Nhân	Khoa Cơ khí
53.	Ông	Hoàng Văn Thạnh	Khoa Cơ khí
54.	Ông	Đinh Đức Hạnh	Khoa Cơ khí
55.	Ông	Nguyễn Bá Kiên	Khoa Cơ khí
56.	Ông	Võ Trần Anh	Khoa Cơ khí
57.	Ông	Phạm Quốc Thái	Khoa CKGT
58.	Ông	Nguyễn Văn Thiên Ân	Khoa CKGT
59.	Ông	Nguyễn Quang Trung	Khoa CKGT
60.	Ông	Trần Văn Luận	Khoa CKGT

TT		Họ và tên	Đơn vị
61.	Ông	Nguyễn Xuân Sơn	Khoa CKGT
62.	Bà	Nguyễn Thị Huyền Trang	Khoa CKGT
63.	Ông	Nguyễn Văn Triều	Khoa CKGT
64.	Ông	Nguyễn Việt Hải	Khoa CKGT
65.	Ông	Dương Đình Nghĩa	Khoa CKGT
66.	Ông	Phùng Minh Nguyên	Khoa CKGT
67.	Ông	Lê Minh Tiến	Khoa CKGT
68.	Ông	Võ Như Tùng	Khoa CKGT
69.	Ông	Lê Văn Tụy	Khoa CKGT
70.	Ông	Huỳnh Bá Vang	Khoa CKGT
71.	Ông	Võ Anh Vũ	Khoa CKGT
72.	Ông	Phan Thành Long	Khoa CKGT
73.	Bà	Nguyễn Thị Kim Loan	Khoa CKGT
74.	Ông	Nguyễn Văn Quyền	Khoa CKGT
75.	Ông	Nguyễn Đình Sơn	Khoa CKGT
76.	Ông	Trần Văn Nam	Khoa CKGT
77.	Ông	Lê Cung	Khoa CKGT
78.	Ông	Nguyễn Văn Yển	Khoa CKGT
79.	Ông	Bùi Tuấn Việt Long	Khoa CKGT
80.	Ông	Nguyễn Văn Minh	Khoa CKGT
81.	Ông	Nguyễn Tiến Thừa	Khoa CKGT
82.	Ông	Lê Minh Đức	Khoa CKGT
83.	Ông	Nguyễn Viết Thuận	Khoa CKGT
84.	Ông	Nguyễn Võ Đạo	Khoa CKGT
85.	Bà	Ngô Phan Thu Hương	Khoa CKGT
86.	Ông	Trịnh Xuân Long	Khoa CKGT
87.	Ông	Phạm Ngọc Quang	Khoa CKGT
88.	Bà	Nguyễn Thị Băng Tuyền	Khoa CKGT
89.	Ông	Thái Bá Chiến	Khoa CKGT
90.	Ông	Nguyễn Công Hành	Khoa CKGT
91.	Ông	Nguyễn Ngọc Tân	Khoa CKGT
92.	Ông	Lê Tiến Dũng	Khoa Điện
93.	Ông	Trịnh Trung Hiếu	Khoa Điện
94.	Ông	Lưu Ngọc An	Khoa Điện
95.	Ông	Phan Đình Chung	Khoa Điện
96.	Ông	Lê Đình Dương	Khoa Điện
97.	Ông	Phạm Văn Kiên	Khoa Điện
98.	Ông	Lê Hồng Lâm	Khoa Điện
99.	Ông	Lê Kim Hùng	Khoa Điện
100.	Ông	Nguyễn Hồng Việt Phương	Khoa Điện
101.	Ông	Trần Tấn Vinh	Khoa Điện
102.	Ông	Dương Minh Quân	Khoa Điện
103.	Ông	Trần Vinh Tịnh	Khoa Điện
104.	Ông	Nguyễn Kim Ánh	Khoa Điện
105.	Bà	Trương Thị Bích Thanh	Khoa Điện
106.	Ông	Trần Thái Anh Âu	Khoa Điện
107.	Ông	Trần Thị Minh Dung	Khoa Điện

TT		Họ và tên	Đơn vị
108.	Ông	Nguyễn Quốc Định	Khoa Điện
109.	Ông	Giáp Quang Huy	Khoa Điện
110.	Ông	Nguyễn Hoàng Mai	Khoa Điện
111.	Ông	Ngô Đình Thanh	Khoa Điện
112.	Ông	Nguyễn Bình Nam	Khoa Điện
113.	Bà	Nguyễn Thị Ái Nhi	Khoa Điện
114.	Ông	Nguyễn Văn Tấn	Khoa Điện
115.	Ông	Võ Quang Sơn	Khoa Điện
116.	Ông	Nguyễn Quang Chung	Khoa Điện
117.	Ông	Nguyễn Thế Lực	Khoa Điện
118.	Ông	Nguyễn Quang Tân	Khoa Điện
119.	Ông	Trần Anh Tuấn	Khoa Điện
120.	Bà	Khương Thị Út Thương	Khoa Điện
121.	Ông	Nguyễn Rê	Khoa Điện
122.	Bà	Đỗ Thị Thu Thảo	Khoa Điện
123.	Ông	Nguyễn Hồ Sĩ Hùng	Khoa Điện
124.	Bà	Nguyễn Thị Hà	Khoa Điện
125.	Ông	Nguyễn Tùng Lâm	Khoa Điện
126.	Ông	Hoàng Trần Thế	Khoa Điện
127.	Ông	Nguyễn Đồng Hải Phương	Khoa Điện
128.	Bà	Nguyễn Thị Kim Trúc	Khoa Điện
129.	Ông	Tăng Tấn Chiến	Khoa ĐTVT
130.	Bà	Lê Lưu Hồng Diễm	Khoa ĐTVT
131.	Bà	Trần Thị Minh Hạnh	Khoa ĐTVT
132.	Ông	Nguyễn Tấn Hưng	Khoa ĐTVT
133.	Ông	Phan Trần Đăng Khoa	Khoa ĐTVT
134.	Ông	Trần Văn Líc	Khoa ĐTVT
135.	Ông	Lê Hồng Nam	Khoa ĐTVT
136.	Ông	Vũ Văn Thanh	Khoa ĐTVT
137.	Ông	Huỳnh Việt Thắng	Khoa ĐTVT
138.	Ông	Hồ Phước Tiến	Khoa ĐTVT
139.	Ông	Thái Văn Tiến	Khoa ĐTVT
140.	Bà	Hoàng Lê Uyên Thục	Khoa ĐTVT
141.	Ông	Nguyễn Văn Tuấn	Khoa ĐTVT
142.	Ông	Ngô Minh Trí	Khoa ĐTVT
143.	Bà	Bùi Thị Minh Tú	Khoa ĐTVT
144.	Ông	Nguyễn Duy Nhật Viễn	Khoa ĐTVT
145.	Bà	Nguyễn Thị Hồng Yến	Khoa ĐTVT
146.	Ông	Nguyễn Hải Triều Anh	Khoa ĐTVT
147.	Ông	Nguyễn Văn Hiếu	Khoa ĐTVT
148.	Ông	Hoàng Minh Huy	Khoa ĐTVT
149.	Bà	Lê Thị Phương Mai	Khoa ĐTVT
150.	Ông	Tăng Anh Tuấn	Khoa ĐTVT
151.	Ông	Huỳnh Thanh Tùng	Khoa ĐTVT
152.	Ông	Nguyễn Văn Dũng	Khoa Hóa
153.	Ông	Huỳnh Đức	Khoa Hóa
154.	Bà	Trương Thị Minh Hạnh	Khoa Hóa

TT		Họ và tên	Đơn vị
155.	Ông	Lê Ngọc Trung	Khoa Hóa
156.	Ông	Phạm Cẩm Nam	Khoa Hóa
157.	Bà	Đoàn Thị Thu Loan	Khoa Hóa
158.	Ông	Trương Hữu Trì	Khoa Hóa
159.	Bà	Phan Thị Thúy Hằng	Khoa Hóa
160.	Ông	Nguyễn Kim Sơn	Khoa Hóa
161.	Bà	Huỳnh Thị Thanh Thắng	Khoa Hóa
162.	Ông	Đặng Minh Nhật	Khoa Hóa
163.	Bà	Lê Lý Thùy Trâm	Khoa Hóa
164.	Ông	Phan Thế Anh	Khoa Hóa
165.	Bà	Đoàn Thị Hoài Nam	Khoa Hóa
166.	Bà	Dương Thị Hồng Phấn	Khoa Hóa
167.	Bà	Võ Thị Thu Hiền	Khoa Hóa
168.	Ông	Võ Công Tuấn	Khoa Hóa
169.	Bà	Phạm Thị Kim Thảo	Khoa Hóa
170.	Bà	Đặng Kim Hoàng	Khoa Hóa
171.	Bà	Nguyễn Thị Thanh Xuân	Khoa Hóa
172.	Ông	Bùi Xuân Đông	Khoa Hóa
173.	Bà	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Khoa Hóa
174.	Bà	Nguyễn Thị Trúc Loan	Khoa Hóa
175.	Ông	Nguyễn Đình Minh Tuấn	Khoa Hóa
176.	Ông	Bùi Viết Cường	Khoa Hóa
177.	Bà	Trần Thị Ánh Tuyết	Khoa Hóa
178.	Bà	Mạc Thị Hà Thanh	Khoa Hóa
179.	Bà	Đoàn Ngọc Mỹ Duyên	Khoa Hóa
180.	Bà	Nguyễn Hoàng Minh	Khoa Hóa
181.	Ông	Nguyễn Thanh Bình	Khoa Hóa
182.	Bà	Ngô Thái Bích Vân	Khoa Hóa
183.	Ông	Tạ Ngọc Ly	Khoa Hóa
184.	Bà	Nguyễn Thị Đông Phương	Khoa Hóa
185.	Ông	Nguyễn Hoàng Trung Hiếu	Khoa Hóa
186.	Ông	Hồ Viết Thắng	Khoa Hóa
187.	Bà	Nguyễn Thị Minh Xuân	Khoa Hóa
188.	Bà	Nguyễn Lan Anh	Khoa Hóa
189.	Ông	Nguyễn Hồng Ngọc	Khoa Kiến trúc
190.	Ông	Nguyễn Anh Tuấn	Khoa Kiến trúc
191.	Ông	Lê Minh Sơn	Khoa Kiến trúc
192.	Ông	Lê Phong Nguyên	Khoa Kiến trúc
193.	Ông	Trần Văn Tâm	Khoa Kiến trúc
194.	Bà	Đỗ Hoàng Rong Ly	Khoa Kiến trúc
195.	Bà	Trương Nguyễn Song Hạ	Khoa Kiến trúc
196.	Ông	Nguyễn Xuân Trung	Khoa Kiến trúc
197.	Ông	Đoàn Trần Hiệp	Khoa Kiến trúc
198.	Ông	Nguyễn Ngọc Bình	Khoa Kiến trúc
199.	Bà	Vũ Phan Minh Trang	Khoa Kiến trúc
200.	Bà	Trương Phan Thiên Ân	Khoa Kiến trúc
201.	Bà	Lê Thị Kim Dung	Khoa Kiến trúc

TT		Họ và tên	Đơn vị
202.	Bà	Phan Ánh Nguyên	Khoa Kiến trúc
203.	Bà	Lê Thị Ngọc Hiền	Khoa Kiến trúc
204.	Bà	Nguyễn Thị Hiền	Khoa Kiến trúc
205.	Ông	Nguyễn Lê Hòa	Khoa KHCNTT
206.	Ông	Lê Quốc Huy	Khoa KHCNTT
207.	Bà	Nguyễn Thị Anh Thư	Khoa KHCNTT
208.	Bà	Nguyễn Quang Như Quỳnh	Khoa KHCNTT
209.	Bà	Vũ Ngọc Hà	Khoa KHCNTT
210.	Bà	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Khoa KHCNTT
211.	Bà	Thái Vũ Hiền	Khoa KHCNTT
212.	Ông	Nguyễn Trí Bằng	Khoa KHCNTT
213.	Ông	Nguyễn Hữu Lập Trường	Khoa KHCNTT
214.	Bà	Võ Thị Hoàng Châu	Khoa KHCNTT
215.	Bà	Hoàng Thị Hiếu	Khoa KHCNTT
216.	Ông	Trần Văn Quang	Khoa Môi trường
217.	Ông	Nguyễn Đình Huân	Khoa Môi trường
218.	Ông	Phan Như Thúc	Khoa Môi trường
219.	Ông	Lê Năng Định	Khoa Môi trường
220.	Bà	Lê Thị Thu Hường	Khoa Môi trường
221.	Bà	Nguyễn Lan Phương	Khoa Môi trường
222.	Bà	Phan Thị Kim Thủy	Khoa Môi trường
223.	Bà	Mai Thị Thùy Dương	Khoa Môi trường
224.	Bà	Phạm Thị Kim Thoa	Khoa Môi trường
225.	Bà	Lê Thị Xuân Thủy	Khoa Môi trường
226.	Ông	Võ Diệp Ngọc Khôi	Khoa Môi trường
227.	Ông	Nguyễn Dương Quang Chánh	Khoa Môi trường
228.	Ông	Lê Hoàng Sơn	Khoa Môi trường
229.	Ông	Đặng Quang Hải	Khoa Môi trường
230.	Ông	Dương Gia Đức	Khoa Môi trường
231.	Ông	Phạm Đình Long	Khoa Môi trường
232.	Ông	Hoàng Ngọc Ân	Khoa Môi trường
233.	Bà	Nguyễn Phước Quý An	Khoa Môi trường
234.	Ông	Phạm Anh Đức	Khoa QLDA
235.	Ông	Nguyễn Quang Trung	Khoa QLDA
236.	Bà	Trương Quỳnh Châu	Khoa QLDA
237.	Bà	Nguyễn Thị Cúc	Khoa QLDA
238.	Ông	Hồ Dương Đông	Khoa QLDA
239.	Bà	Đỗ Thanh Huyền	Khoa QLDA
240.	Bà	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	Khoa QLDA
241.	Bà	Nguyễn Hồng Nguyên	Khoa QLDA
242.	Bà	Nguyễn Thị Thu Thủy	Khoa QLDA
243.	Bà	Phạm Thị Trang	Khoa QLDA
244.	Ông	Ngô Ngọc Tri	Khoa QLDA
245.	Ông	Huỳnh Nhật Tổ	Khoa QLDA
246.	Bà	Huỳnh Thị Minh Trúc	Khoa QLDA
247.	Bà	Nguyễn Thị Hải Lý	Khoa QLDA
248.	Ông	Mai Anh Đức	Khoa QLDA

TT		Họ và tên	Đơn vị
249.	Bà	Trần Thị Hoàng Giang	Khoa QLDA
250.	Ông	Đàm Nguyễn Anh Khoa	Khoa QLDA
251.	Bà	Hồ Thị Kiều Oanh	Khoa QLDA
252.	Bà	Nguyễn Đặng Hoàng Thư	Khoa QLDA
253.	Ông	Huỳnh Phương Nam	Khoa XDCCĐ
254.	Ông	Nguyễn Biên Cương	Khoa XDCCĐ
255.	Ông	Cao Văn Lâm	Khoa XDCCĐ
256.	Ông	Châu Trường Linh	Khoa XDCCĐ
257.	Ông	Đỗ Hữu Đạo	Khoa XDCCĐ
258.	Ông	Đỗ Quang Trung	Khoa XDCCĐ
259.	Ông	Đỗ Thị Phụng	Khoa XDCCĐ
260.	Ông	Đỗ Việt Hải	Khoa XDCCĐ
261.	Ông	Phạm Ngọc Đức	Khoa XDCCĐ
262.	Ông	Hồ Mạnh Hùng	Khoa XDCCĐ
263.	Ông	Hoàng Phương Hoa	Khoa XDCCĐ
264.	Ông	Hoàng Phương Tùng	Khoa XDCCĐ
265.	Ông	Lê Đức Châu	Khoa XDCCĐ
266.	Bà	Lê Thị Ái Thi	Khoa XDCCĐ
267.	Ông	Nguyễn Phước Quý Duy	Khoa XDCCĐ
268.	Bà	Nguyễn Thị Tuyết An	Khoa XDCCĐ
269.	Ông	Nguyễn Lan	Khoa XDCCĐ
270.	Ông	Nguyễn Duy Thảo	Khoa XDCCĐ
271.	Ông	Nguyễn Thanh Cường	Khoa XDCCĐ
272.	Bà	Nguyễn Thị Ngọc Yến	Khoa XDCCĐ
273.	Bà	Nguyễn Thị Phương Khuê	Khoa XDCCĐ
274.	Bà	Nguyễn Thu Hà	Khoa XDCCĐ
275.	Ông	Nguyễn Tiến Dũng	Khoa XDCCĐ
276.	Ông	Nguyễn Văn Mỹ	Khoa XDCCĐ
277.	Ông	Nguyễn Văn Quang	Khoa XDCCĐ
278.	Ông	Nguyễn Văn Tô Rôn	Khoa XDCCĐ
279.	Ông	Nguyễn Xuân Toàn	Khoa XDCCĐ
280.	Ông	Phạm Ngọc Phương	Khoa XDCCĐ
281.	Ông	Phạm Văn Ngọc	Khoa XDCCĐ
282.	Ông	Phan Đức Tâm	Khoa XDCCĐ
283.	Ông	Phan Hoàng Nam	Khoa XDCCĐ
284.	Ông	Trần Đình Minh	Khoa XDCCĐ
285.	Ông	Trần Khắc Vỹ	Khoa XDCCĐ
286.	Bà	Trần Thị Phương Anh	Khoa XDCCĐ
287.	Bà	Trần Thị Thu Thảo	Khoa XDCCĐ
288.	Ông	Võ Đức Hoàng	Khoa XDCCĐ
289.	Ông	Võ Duy Hùng	Khoa XDCCĐ
290.	Ông	Hoàng Trọng Lâm	Khoa XDCCĐ
291.	Ông	Võ Hải Lăng	Khoa XDCCĐ
292.	Ông	Lê Văn Định	Khoa XDCCĐ
293.	Ông	Vũ Hoàng Trí	Khoa XDCCĐ
294.	Ông	Trần Quang Hưng	Khoa XD DD&CN
295.	Ông	Đặng Công Thuật	Khoa XD DD&CN

TT		Họ và tên	Đơn vị
296.	Ông	Nguyễn Văn Chính	Khoa XD DD&CN
297.	Ông	Đỗ Minh Đức	Khoa XD DD&CN
298.	Ông	Nguyễn Quang Tùng	Khoa XD DD&CN
299.	Ông	Trương Hoài Chính	Khoa XD DD&CN
300.	Ông	Vương Lê Thắng	Khoa XD DD&CN
301.	Bà	Đinh Thị Như Thảo	Khoa XD DD&CN
302.	Ông	Lê Khánh Toàn	Khoa XD DD&CN
303.	Ông	Bùi Quang Hiếu	Khoa XD DD&CN
304.	Bà	Trần Thị Lan Oanh	Khoa XD DD&CN
305.	Ông	Phan Đình Hào	Khoa XD DD&CN
306.	Ông	Lê Xuân Dũng	Khoa XD DD&CN
307.	Ông	Trịnh Quang Thịnh	Khoa XD DD&CN
308.	Ông	Lê Vũ An	Khoa XD DD&CN
309.	Ông	Lê Bá Định	Khoa XD DD&CN
310.	Ông	Phạm Ngọc Vinh	Khoa XD DD&CN
311.	Ông	Lê Cao Tuấn	Khoa XD DD&CN
312.	Ông	Nguyễn Khánh Linh	Khoa XD DD&CN
313.	Ông	Đinh Ngọc Hiếu	Khoa XD DD&CN
314.	Ông	Lê Ngọc Quyết	Khoa XD DD&CN
315.	Ông	Lê Xuân Quang	Khoa XD DD&CN
316.	Ông	Nguyễn Chí Công	Khoa XD TL-TĐ
317.	Ông	Võ Ngọc Dương	Khoa XD TL-TĐ
318.	Ông	Nguyễn Thế Hùng	Khoa XD TL-TĐ
319.	Ông	Nguyễn Văn Hường	Khoa XD TL-TĐ
320.	Bà	Tô Thúy Nga	Khoa XD TL-TĐ
321.	Ông	Nguyễn Thanh Hải	Khoa XD TL-TĐ
322.	Ông	Lê Hùng	Khoa XD TL-TĐ
323.	Ông	Nguyễn Quang Bình	Khoa XD TL-TĐ
324.	Ông	Phạm Lý Triều	Khoa XD TL-TĐ
325.	Ông	Lê Văn Thảo	Khoa XD TL-TĐ
326.	Ông	Ngô Văn Dũng	Khoa XD TL-TĐ
327.	Ông	Đoàn Việt Long	Khoa XD TL-TĐ
328.	Ông	Vũ Huy Công	Khoa XD TL-TĐ
329.	Ông	Nguyễn Hoàng Lâm	Khoa XD TL-TĐ
330.	Ông	Nguyễn Công Luyến	Khoa XD TL-TĐ
331.	Bà	Đỗ Thị Kim Anh	Khoa XD TL-TĐ
332.	Ông	Nguyễn Thanh Hảo	Khoa XD TL-TĐ
333.	Bà	Hồ Anh Dung	Khoa XD TL-TĐ
334.	Ông	Võ Nguyễn Đức Phước	Khoa XD TL-TĐ
335.	Bà	Vũ Thị Tính	Khoa XD TL-TĐ
336.	Ông	Nguyễn Ngọc Hậu	Khoa XD TL-TĐ
337.	Ông	Nguyễn Hữu Hiếu	Ban Giám hiệu (P.CTSV)
338.	Ông	Nguyễn Văn Đông	Phòng CTSV
339.	Ông	Phạm Trường Thi	Phòng CTSV
340.	Bà	Đào Thị Hương Duyên	Phòng CTSV
341.	Bà	Nguyễn Minh Đạt	Phòng CTSV
342.	Bà	Trần Thanh Huyền	Phòng CTSV

TT		Họ và tên	Đơn vị
343.	Bà	Phùng Huyền Nhung	Phòng CTSV
344.	Bà	Đới Phương Thanh	Phòng CTSV
345.	Ông	Phạm Trần Anh Trọng	Phòng CTSV
346.	Ông	Dương Việt Dũng	Phòng CSVC
347.	Ông	Huỳnh Tấn Tiến	Phòng CSVC
348.	Bà	Phan Thị Như Trang	Phòng CSVC
349.	Ông	Huỳnh Dộng	Phòng CSVC
350.	Bà	Lê Mai Thanh Hoàng	Phòng CSVC
351.	Ông	Nguyễn Ngọc Thanh	Phòng CSVC
352.	Ông	Phan Hữu Phát	Phòng CSVC
353.	Ông	Hồ Văn Ly	Phòng CSVC
354.	Ông	Nguyễn Văn Hoàng	Phòng CSVC
355.	Bà	Nguyễn Thị Khương Ánh	Phòng CSVC
356.	Bà	Trần Thị Ngọc Ánh	Phòng CSVC
357.	Ông	Nguyễn Văn Bảy	Phòng CSVC
358.	Ông	Nguyễn Văn Hưng	Phòng CSVC
359.	Ông	Trịnh Quang Thông	Phòng CSVC
360.	Bà	Nguyễn Thị Lệ	Phòng CSVC
361.	Bà	Trương Thị Nga	Phòng CSVC
362.	Bà	Ngô Thị Thanh Phượng	Phòng CSVC
363.	Bà	Phan Thị Thủy	Phòng CSVC
364.	Ông	Nguyễn Văn Tuấn	Phòng CSVC
365.	Ông	Nguyễn Ngà	Phòng CSVC
366.	Ông	Lương Sơn Tùng	Phòng CSVC
367.	Ông	Trương Văn Thu	Phòng CSVC
368.	Ông	Hồ Quảng Việt	Phòng CSVC
369.	Bà	Võ Thị Xuyên	Phòng CSVC
370.	Bà	Trần Thị Nhâm	Phòng CSVC
371.	Bà	Bùi Thị Thái	Phòng CSVC
372.	Bà	Nguyễn Thị Việt	Phòng CSVC
373.	Bà	Nguyễn Thị Tân	Phòng CSVC
374.	Bà	Trần Thị Hoa	Phòng CSVC
375.	Bà	Nguyễn Thị Yên	Phòng CSVC
376.	Bà	Nguyễn Thị Thanh Thúy	Phòng CSVC
377.	Ông	Phan Minh Đức	Ban Giám hiệu (P. ĐT)
378.	Ông	Nguyễn Hồng Hải	Phòng Đào tạo
379.	Ông	Nguyễn Văn Phòng	Phòng Đào tạo
380.	Bà	Nguyễn Thị Diệu Hằng	Phòng Đào tạo
381.	Ông	Nguyễn Anh Tuấn	Phòng Đào tạo
382.	Bà	Trương Thị Kim Chi	Phòng Đào tạo
383.	Bà	Nguyễn Thị Hải Hà	Phòng Đào tạo
384.	Bà	Lê Thị Ngọc Hà	Phòng Đào tạo
385.	Bà	Phạm Thị Hoàng Lý	Phòng Đào tạo
386.	Ông	Lê Hoài Nam	Phòng Đào tạo
387.	Bà	Nguyễn Thị Hoài Nhi	Phòng Đào tạo
388.	Bà	Nguyễn Thị Khánh Vân	Phòng Đào tạo
389.	Ông	Hoàng Quang Huy	Phòng KHTC

TT		Họ và tên	Đơn vị
390.	Ông	Nguyễn Anh Huân	Phòng KHTC
391.	Bà	Lâm Thị Hồng Tâm	Phòng KHTC
392.	Bà	Dương Thị Nga	Phòng KHTC
393.	Bà	Nguyễn Thị Hạnh	Phòng KHTC
394.	Bà	Trần Thị Như Linh	Phòng KHTC
395.	Bà	Nguyễn Thị Thảo Sương	Phòng KHTC
396.	Bà	Phạm Thị Thu Hiền	Phòng KHTC
397.	Ông	Phạm Văn Tuấn	Phòng KT&ĐBCLGD
398.	Ông	Nguyễn Chánh Tú	Phòng KT&ĐBCLGD
399.	Ông	Nguyễn Thanh Nam	Phòng KT&ĐBCLGD
400.	Ông	Nguyễn Văn Khai	Phòng KT&ĐBCLGD
401.	Bà	Võ Thị Châu	Phòng KT&ĐBCLGD
402.	Bà	Võ Lê Hoàng Quyên	Phòng KT&ĐBCLGD
403.	Bà	Phạm Lê Hương Chi	Phòng KT&ĐBCLGD
404.	Bà	Lê Thị Kim Oanh	Ban Giám hiệu (P.KHCN&HTQT)
405.	Ông	Nguyễn Đình Lâm	Phòng KHCN&HTQT
406.	Ông	Võ Chí Chính	Phòng KHCN&HTQT
407.	Ông	Lê Anh Tuấn	Phòng KHCN&HTQT
408.	Ông	Tạ Minh Bảo	Phòng KHCN&HTQT
409.	Ông	Nguyễn Thành Công	Phòng KHCN&HTQT
410.	Bà	Hoàng Nguyễn Diệu Trang	Phòng KHCN&HTQT
411.	Bà	Đinh Lan Anh	Vp. Đảng ủy
412.	Bà	Nguyễn Hồng Liên	Vp. Công đoàn
413.	Bà	Bùi Nữ Thanh Hà	Phòng TTPC
414.	Bà	Trần Diễm Thi	Phòng TTPC
415.	Bà	Lê Thị Thanh Thu	Phòng TTPC
416.	Bà	Nguyễn Thị Phương Thúy	Phòng TTPC
417.	Ông	Đoàn Quang Vinh	Ban Giám hiệu (P.TCHC)
418.	Ông	Đoàn Anh Tuấn	Phòng TCHC
419.	Ông	Nguyễn Văn Cả	Phòng TCHC
420.	Bà	Nguyễn Thị Hoa	Phòng TCHC
421.	Bà	Lâm Thị Hồng Nhật	Phòng TCHC
422.	Bà	Trần Thị Dung	Phòng TCHC
423.	Bà	Trương Thị Mỹ Hiền	Phòng TCHC
424.	Ông	Nguyễn Minh Hiếu	Phòng TCHC
425.	Bà	Trần Thị Nam	Phòng TCHC
426.	Ông	Nguyễn Thiện Phúc	Phòng TCHC
427.	Bà	Trần Thị Thủy	Phòng TCHC
428.	Ông	Nguyễn Văn Tuấn	Phòng TCHC
429.	Ông	Dương Hoài Thọ	Phòng TCHC
430.	Bà	Dương Thị Hồng	Phòng TCHC
431.	Bà	Dương Thị Hường	Phòng TCHC
432.	Bà	Đào Thị Sinh	Phòng TCHC
433.	Bà	Đoàn Thị Tố Nga	Phòng TCHC
434.	Bà	Huỳnh Thị Liên	Phòng TCHC
435.	Bà	Cầm Thị Thu Hương	Phòng TCHC
436.	Bà	Nguyễn Thị Diễm Hằng	Phòng TCHC

TT		Họ và tên	Đơn vị
437.	Bà	Nguyễn Thị Lan	Phòng TCHC
438.	Bà	Nguyễn Thị Kim Quy	Phòng TCHC
439.	Bà	Nguyễn Thị Thảo	Phòng TCHC
440.	Bà	Vũ Thị Thêm	Phòng TCHC
441.	Bà	Ngô Thị Xuân	Phòng TCHC
442.	Ông	Hoàng Văn Bôn	Phòng TCHC
443.	Ông	Phan Quang Đáng	Phòng TCHC
444.	Ông	Nguyễn Kính	Phòng TCHC
445.	Ông	Nguyễn Văn Thêm	Phòng TCHC
446.	Ông	Hồ Anh Tài	Phòng TCHC
447.	Ông	Hoàng Vũ Khánh	Phòng TCHC
448.	Ông	Trần Ngọc Ba	Phòng TCHC
449.	Ông	Nguyễn Vinh	Phòng TCHC
450.	Ông	Trần Hữu Dũng	Phòng TCHC
451.	Ông	Lê Phước Cường	Trung tâm HL&TT
452.	Bà	Phan Thị Hà Thanh	Trung tâm HL&TT
453.	Bà	Hoàng Thị Nhung	Trung tâm HL&TT
454.	Ông	Tôn Thất Minh Mẫn	Trung tâm HL&TT
455.	Bà	Võ Thị Thu Hương	Trung tâm HL&TT
456.	Bà	Nguyễn Thị Phụng	Trung tâm HL&TT
457.	Bà	Trần Thị Quý Dung	Trung tâm HL&TT
458.	Bà	Nguyễn Thị Mai Hà	Trung tâm HL&TT
459.	Bà	Nguyễn Thị Lệ Quyên	Trung tâm HL&TT
460.	Bà	Hoàng Thị Thu Sương	Trung tâm HL&TT
461.	Ông	Đặng Ngọc Tuấn	Trung tâm HL&TT
462.	Bà	Nguyễn Thị Xuân Tươi	Trung tâm HL&TT
463.	Ông	Nguyễn Quang Trung	Trung tâm HL&TT
464.	Ông	Mai Thanh Bình	Trung tâm HL&TT
465.	Ông	Trần Thanh Sơn	Trung tâm HL&TT
466.	Bà	Lê Thị Kim Oanh	Trung tâm HL&TT
467.	Bà	Lê Thị Kim Ngân	Trung tâm HL&TT
468.	Ông	Phạm Anh Tuấn	Tổ CNTT
469.	Ông	Võ Ngọc Hải	Tổ CNTT
470.	Ông	Nguyễn Công Kha	Tổ CNTT
471.	Bà	Huỳnh Thị Đoan Phượng	Tổ CNTT
472.	Ông	Nguyễn Năng Hùng Vân	Tổ CNTT
473.	Ông	Đào Ngọc Thế Lực	Viện KH&CN Bách khoa ĐN
474.	Ông	Phan Minh Thắng	TT HTSV&QHDN
475.	Ông	Trần Nài	TT HTSV&QHDN
476.	Ông	Nguyễn Trung Tiến	TT HTSV&QHDN
477.	Bà	Lê Thị Minh Hiền	TT HTSV&QHDN
478.	Bà	Lê Hồng Phúc	TT HTSV&QHDN
479.	Bà	Lê Thị Hoa	TT HTSV&QHDN
480.	Bà	Hoàng Thị Duyên	TT HTSV&QHDN
481.	Bà	Vũ Thị Quyên	TT HTSV&QHDN
482.	Ông	Nguyễn Văn Chính	TT HTSV&QHDN
483.	Ông	Phùng Đình Khai	TT HTSV&QHDN

TT		Họ và tên	Đơn vị
484.	Ông	Phạm Viết Thương	TT HTSV&QHDN
485.	Ông	Hoàng Thu	TT HTSV&QHDN
486.	Ông	Nguyễn Anh Sơn	TT HTSV&QHDN
487.	Bà	Nguyễn Thị Xuân Thu	VP. Đoàn Thanh niên
488.	Bà	Đinh Thị Thanh	VP. Đoàn Thanh niên

Tổng cộng: 26 đơn vị đạt danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến
488 cá nhân đạt danh hiệu Lao động tiên tiến